

Số: 1675/2024/QĐDS-ST

Ngày: 03/5/2024

V/v yêu cầu tuyên bố một người là đã chết

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố một người là đã chết

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Cao Thị Hiền Lữ

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Ngọc Hoa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai để giải quyết việc dân sự thụ lý số 1104/2023/TLST-VDS ngày 02/10/2023 về yêu cầu “Tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 2268/2024/QĐMPH ngày 19/4/2024, gồm những người tham gia tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị T, sinh năm 1948

Địa chỉ: số nhà C Đường số H, Khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Yêu cầu tuyên bố: Ông Trần Quang N, sinh năm 1960

Nơi cư trú cuối cùng: số nhà C Đường số H, Khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ 538 ấp H B, xã P, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh), là đã chết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số nhà C Đường số H, Khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số nhà A đường T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Trần Thị M, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số nhà C Đường số H, Khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T có mặt, bà N1, bà L và bà M có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu tuyên bố một người là đã chết ngày 15 tháng 9 năm 2023 và lời trình bày của bà Trần Thị T: Cha bà là ông Trần Văn T1 (sinh năm 1911, chết năm 1993), mẹ bà là bà Huỳnh Thị N2 (sinh năm 1922, chết năm 2017). Cha mẹ bà kết hôn năm 1945 và sinh được tám người con chung gồm Trần Văn T2 (sinh năm 1945, chết năm 2009); Trần Thị T, sinh năm 1948, Trần Thị N1, sinh năm 1950, Trần Thị N3 (sinh năm 1954, chết năm 2023), Trần Thị L, sinh năm 1956, Trần Thị M, sinh năm 1957, Trần Quang M1 (sinh năm 1960, chết năm 2001) và Trần Quang N, sinh năm 1960. Từ khi sinh ra cho đến năm 1982, ông N sống chung cùng cha mẹ và anh chị em tại địa chỉ số nhà E Ấp H B, xã P, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay địa chỉ đã được đổi thành số nhà C Đường số H, Khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến tháng 3 năm 1982 ông N bỏ nhà đi biệt tích cho đến nay không trở về, thời gian qua gia đình đã liên lạc nhiều nơi để tìm kiếm nhưng không biết tin tức gì về ông N. Thời điểm bỏ đi ông N chưa có vợ con. Do cha mẹ của ông N đều đã chết nên bà T đại diện các anh chị em của ông N yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần Quang N đã chết để hoàn chỉnh các giấy tờ liên quan đến quyền nhân thân của ông N.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Trần Thị N1, Trần Thị L và Trần Thị M đã có bản tự khai đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị T và yêu cầu được vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự.

Tại phiên họp, bà Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu tuyên bố ông Trần Quang N là đã chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên họp phát biểu ý kiến và đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của đương sự, tuyên bố ông Trần Quang N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1960, là đã chết. Ngày chết của ông Trần Quang N là ngày 10 tháng 4 năm 1987.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu của bà Trần Thị T là yêu cầu về dân sự “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”, được quy định tại Khoản 4 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Quang N, người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố T nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà T có quan hệ là chị ruột của ông Trần Quang N nên có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố ông N là đã chết.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị N1, bà Trần Thị L và bà Trần Thị M có đơn đề nghị vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp nên Hội đồng mở phiên họp tiến hành mở phiên họp vắng mặt bà N1, bà L và bà M theo quy định tại Khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần Quang N là đã chết do ông N bỏ nhà đi từ tháng 3 năm 1982 cho đến nay và không ai biết thông tin về ông N. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Trần Thị N1, Trần Thị L và Trần Thị M đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị T.

[2.1] Sau khi thụ lý yêu cầu của bà T, ngày 27 tháng 10 năm 2023 Tòa án đã xác minh tình trạng cư trú của ông N tại Công an phường T, thành phố T. Kết quả xác minh thể hiện ông Trần Quang N trước đây có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số E Ấp H B, xã P, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số C Đường H, Khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng từ ngày 10/3/1982 đã bị gạch tên với lý do vắng không có lý do. Từ đó đến nay ông N không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại địa phương, ở đâu không rõ.

[2.2] Ngày 05/12/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định số 7638/2023/QĐ-TA về việc thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết. Bà T đã thực hiện việc đăng thông báo tìm kiếm ông Trần Quang N trên Báo hàng ngày của Trung ương và trên Đ theo đúng quy định, đã hết thời hạn bốn tháng kể từ ngày bà T thực hiện việc thông báo tìm kiếm theo quyết định của Tòa án mà vẫn không có tin tức xác thực là ông Trần Quang N còn sống hay đã chết.

[2.3] Xét, lời khai của bà T phù hợp với kết quả xác minh của Công an phường T, thành phố T về việc ông N không còn thực tế cư trú tại địa phương từ tháng 3 năm 1982 đến nay và không có thông tin về ông N nên có cơ sở xác định ông Trần Quang N đã biệt tích. Tính đến thời điểm hiện nay thì ông N đã biệt tích trên 05 năm liền và không có tin tức xác thực là còn sống. Như vậy, yêu cầu của bà T trong việc dân sự này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T, tuyên bố ông Trần Quang N đã chết là có căn cứ.

[3] Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí và lệ phí nên được xét miễn nộp theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 4; Khoản 4 Điều 27; điểm a Khoản 2 Điều 35; điểm b Khoản 2 Điều 39; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 391 và Điều 393 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T;

Tuyên bố ông Trần Quang N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1960, có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: số nhà C Đường H, Khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ: 538 ấp H B, xã P, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh), là đã chết.

Ngày chết của ông Trần Quang N là ngày 10 tháng 4 năm 1987.

2. Bà Trần Thị T có trách nhiệm thực hiện đăng ký khai tử cho ông Trần Quang N theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Quan hệ tài sản của ông Trần Quang N được giải quyết như đối với người đã chết.

4. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được xét miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí và lệ phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án tuyên quyết định.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- KKSND TP . HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CC THA DS Tp.Thủ Đức;
- UBND phường T;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lữ

